TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/DS-ST
Ngày 11 – 8 – 2023
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chính

Ông Trần Văn Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 223/2023/QĐXXST–DS ngày 03 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1967;

Địa chỉ cư trú: Ấp 10, xã Tr Ph, huyện Ti B, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn U, sinh năm 1960; (vắng mặt)

Bà Phan Thị Nh, sinh năm 1962; (có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 10, xã Tr Ph, huyện Ti B, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Văn H trình bày:

Vào ngày 30/9/2021 âl (ngày 04/11/2021 dl) ông có cho ông Nguyễn Tấn U và bà Phan Thị Nh mượn số tiền 172.000.000 đồng để làm vốn làm ăn, có viết giấy nhận tiền và cam kết sẽ trả lại tiền vào ngày 30/9/2022 âl (25/10/2022 dl), không tính lãi, trường hợp đến hạn trả nếu không trả thì sẽ giao (cầm cố) phần đất ngang 10 m, dài 100m, đất tọa lạc tại Ấp 10, xã Tr Ph cho ông H sử dụng. Khi đến hạn ông U, bà Nh không trả tiền, ông H yêu cầu ông U, bà Nh giao đất cho ông H sử dụng như thỏa thuận, ông U, bà Nh cũng không giao nên ông H yêu cầu địa phương giải

quyết. Tại biên bản hòa giải ông U, bà Nh thừa nhận nợ ông H 172.000.000 đồng và yêu cầu được trả ba lần (lần 1: Tháng 3/2023 âl trả 50.000.000 đồng, lần 2: Tháng 9/2023 âl trả 50.000.000 đồng, lần 3: Tháng 3/2024 âl trả 72.000.000 đồng) nhưng ông U và bà Nh vẫn không thực hiện lời hứa tại địa phương đã hòa giải. Ông H khởi kiện yêu cầu ông U và bà Nh trả cho ông H tiền gốc 172.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật 10%/năm kể từ ngày 29/3/2023 âl (ngày 18/5/2023 dl) đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Phan Thị Nh trình bày:

Trước đây bà Nh và ông U có vay của ông H nhiều lần và thực hiện việc trả lãi đầy đủ nhưng không nhớ cụ thể ngày tháng, đến ngày 30/9/2021 âl giữa bà Nh với ông U và ông H chốt lại còn nợ lại ông H tổng cộng bằng 100.000.000 đồng nhưng ông H buộc bà Nh và ông U ghi và ký nhận có mượn và nhận đủ tiền 172.000.000 đồng (trong biên nhận nợ có 72.000.000 đồng là tiền lãi của 01 năm vay nợ). Tại phiên tòa sơ thẩm bà Nh yêu cầu được trả 100.000.000 đồng tiền vốn và xin không trả 72.000.000 đồng tiền lãi theo yêu cầu của ông H.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án trực tiếp tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông Nguyễn Tấn U, hai lần thông báo hòa giải và hai lần triệu tập xét xử nhưng ông U không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của ông H, không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Tấn U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông U.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Trần Văn H khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Tấn U và bà Phan Thị Nh yêu cầu trả số tiền gốc 172.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật nên xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông H đòi lại tiền vốn 172.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc bà Nh cho rằng trong quá trình vay trả lãi cho ông H rất nhiều lần nhưng không nhớ cụ thể bao nhiêu và ngày tháng nhưng đến ngày 30/9/2021 âl chỉ còn nợ ông H 100.000.000 đồng vốn và chỉ đồng ý trả 100.000.000 đồng, còn 72.000.000 đồng là tiền lãi của 01 năm vay nợ đối với số tiền vốn 100.000.000 đồng là không phù hợp. Bởi vì, ngoài giấy nhận nợ ngày 30/9/2021 âl do vợ chồng bà Nh tự viết giấy nhận nợ của ông H số tiền 172.000.000 đồng và ông U là người nhận tiền và tự ghi xác nhận có nhận đủ tiền thì ông U và bà Nh không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh ông U và bà Nh chỉ có nợ ông H 100.000.000 đồng như bà Út trình bày. Mặt khác trong quá trình vay đến ngày trả

nợ ông U và bà Nh không thực hiện đúng như sự thỏa thuận, nên ông H có yêu cầu địa phương hòa giải ông U và bà Nh cũng đã thừa nhận nợ ông H 172.000.000 đồng và hứa trả nhưng vẫn không thực hiện, nên việc ông H yêu cầu ông U và bà Nh trả lại số tiền vốn vay bằng 172.000.000 đồng là có căn cứ được chấp nhận.

[5] Án phí: Ông Hiền không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; ông U Nhỏ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 400.000 đồng (8.000.000 x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357; 463; 466; 468; 470 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H. Buộc ông Nguyễn Tấn U và bà Phan Thị Nh trả cho ông Trần Văn H tổng số tiền 176.013.300 đồng (một trăm bảy mươi sáu triệu không trăm mười ba nghìn ba trăm đồng) (trong đó tiền vốn 172.000.000 đồng, tiền lãi 4.013.300 đồng).

2. Kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền được thi hành án nếu như ông U và bà Nh chưa thi hành xong số tiền phải thi hành án thì phải chịu thêm phần lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thi hành án.

3. Về án phí:

3.1. Ông Trần Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông H 4.675.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0003546 ngày 21/4/2023 và biên lai số 0003614 ngày 16/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình.

3.2. Ông Nguyễn Tấn U và bà Phan Thị Nh được miễn án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Ông H, bà Nh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông U có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- THA huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tiêu Hồng Phượng